

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06-11-2018

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Trình.

2. Bà Cái Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hải Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện P, tỉnh T. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Chu Văn M, sinh năm 1988; trú tại: Thôn 6, xã T, thị xã H, tỉnh T. Vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là Chu Văn M quen biết, yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Hai người có đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh T. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi chị T sinh con thì kinh tế gia đình gặp khó khăn nên anh M đi xuất khẩu lao động sang Trung Quốc để làm ăn. Thời gian đầu anh M có liên lạc với chị T và có gửi tiền về nuôi con; nhưng sau đó thì không có tin tức gì kéo dài hơn 2 năm. Chị T đã làm đơn yêu cầu tuyên bố anh M mất tích, sau đó anh M trở về nên chị T rút đơn. Từ khi anh M trở về thì vợ chồng cũng không còn sống chung, anh M không quan tâm đến cuộc vợ con, hai người đã thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sau đó anh

M thay đổi ý kiến nên chị T làm đơn ly hôn đơn phương. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn M.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh M có 01 người con chung tên Chu Trần Bảo T, sinh ngày 09/12/2014. Hiện nay cháu T đang sống với chị Trần Thị T và đi học tại địa phương đã ổn định. Chị Trần Thị T yêu cầu được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con vì anh M không có công việc và thu nhập ổn định; từ trước đến nay anh M cũng không có ý thức tự giác cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ về tài sản chung: Vợ chồng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh Chu Văn M, nhưng trong thời hạn theo luật định, anh M không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh M đến làm việc cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh M không chấp hành giấy triệu tập, Thông báo của Tòa án nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh M đối với các yêu cầu của chị T và hòa giải giữa các đương sự.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa không có lý do chính đáng là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T; Chị T được ly hôn anh M; Giao người con chung là Chu Trần Bảo T, sinh ngày 09/12/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Chu Văn M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất nhưng đều vắng mặt không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã tiến hành các thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh

Chu Văn M đến phiên tòa như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Chu Văn M vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Chu Văn M.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Chu Văn M chung sống với nhau và đã tự nguyện kết hôn vào ngày 10/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh T nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thời gian anh M ra nước ngoài làm ăn không liên lạc, sau khi anh M trở về vợ chồng không sống chung cùng nhau và sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Kết quả xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M, mẹ của anh M cũng cho biết, giữa chị T và anh M phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, anh M không chịu khó làm ăn, chị T và anh M đang sống ly thân không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh M là trầm trọng, trong thời gian sống ly thân chị T và anh M không có biện pháp gì để hàn gắn cuộc sống gia đình nên đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận để cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Chu Văn M theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị T và anh M có một người con chung tên Chu Trần Bảo T, sinh ngày 09/12/2014. Xét yêu cầu nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay cháu T đang sống với chị T, chị T cũng có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc anh Chu Văn M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Chu Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Chu Trần Bảo T, sinh ngày 09/12/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Chu Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/000462 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- UBND xã Thủy Phù.
- Các đương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Thị Xuân Huế